

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển đàn lợn nái áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo phục vụ nhiệm vụ tái đàn lợn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2020 - 2022” năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án “Phát triển đàn lợn nái áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo phục vụ nhiệm vụ tái đàn lợn trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2020 - 2022”;*

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 164/TTr-SNN ngày 22 tháng 7 năm 2020; đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1436/TTr- SKHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án "Phát triển đàn lợn nái áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo phục vụ nhiệm vụ tái đàn lợn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2020 - 2022", năm 2020, với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu.

Hỗ trợ cho các hộ dân được hưởng lợi các giống lợn bố mẹ là lợn ngoại có năng suất sinh sản cao, chất lượng tốt, thích nghi với điều kiện khí hậu, phương thức chăn nuôi của địa phương; từ đó thúc đẩy tăng và tái đàn lợn nái là tiền đề cho việc sản xuất giống lợn nuôi thương phẩm trong các năm tiếp theo.

Đưa quy trình thực hành chăn nuôi tốt vào áp dụng cho chăn nuôi lợn sinh sản nhằm đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn về dịch bệnh, giảm chi phí và từng bước ổn định tình hình chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh sau ảnh hưởng của Dịch tả lợn Châu Phi.

2. Đối tượng hưởng lợi: Nông dân, trang trại, gia trại chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh đáp ứng các tiêu chí theo yêu cầu của Đề án.

3. Quy mô, địa điểm thực hiện:

Quy mô địa điểm thực hiện bao gồm: 06 con lợn đực giống/06 hộ và 900 con lợn nái hậu bị/90 hộ, cụ thể:

- Huyện Lý Nhân: 03 hộ nuôi lợn đực giống (mỗi hộ 01 con) và 30 hộ nuôi lợn nái (mỗi hộ 10 con). Tổng 03 lợn đực giống và 300 lợn nái.

- Huyện Bình Lục: 03 hộ nuôi lợn đực giống (mỗi hộ 01 con) và 30 hộ nuôi lợn nái (mỗi hộ 10 con). Tổng 03 lợn đực giống và 300 lợn nái.

- Huyện Kim Bảng: 10 hộ nuôi lợn nái (*mỗi hộ 10 con*). Tổng 100 lợn nái.
- Thị xã Duy Tiên: 10 hộ nuôi lợn nái (*mỗi hộ 10 con*). Tổng 100 lợn nái.
- Huyện Thanh Liêm: 05 hộ nuôi lợn nái (*mỗi hộ 10 con*). Tổng 50 lợn nái.
- Thành phố Phủ Lý: 05 hộ nuôi lợn nái (*mỗi hộ 10 con*). Tổng 50 lợn nái.

4. Về cơ chế chính sách hỗ trợ:

- Đối với con giống và vật tư: Nhà nước hỗ trợ 50% giá trị theo dự toán được duyệt bằng hình thức hỗ trợ sau đầu tư theo quy mô triển khai của Đề án năm 2020. Phần còn lại là đối ứng của hộ dân.

- Về công tác triển khai Đề án: Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí, bao gồm các nội dung: tập huấn đào tạo, tuyên truyền nhân rộng mô hình, sơ kết tổng kết, thuê cán bộ không hưởng lương ngân sách chỉ đạo kỹ thuật mô hình và hỗ trợ kinh phí quản lý dự án.

5. Kinh phí thực hiện Đề án năm 2020:

Tổng kinh phí thực hiện năm 2020: 8.019,492 triệu đồng (*Tám tỷ không trăm mười chín triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng*); trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh: 4.164,456 triệu đồng (*hỗ trợ triển khai thực hiện Đề án 309,420 triệu đồng; hỗ trợ mua giống và vật tư 3.855,036 triệu đồng*).

- Kinh phí đối ứng của các hộ dân: 3.855,036 triệu đồng.

6. Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Đề án được duyệt là từ nguồn ngân sách của tỉnh phục vụ công tác tái đàn lợn sau ảnh hưởng của Dịch tả lợn Châu Phi.

- Kinh phí đối ứng của các hộ dân tham gia Đề án.

7. Thủ tục cấp phát, thanh toán nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh:

Kinh phí triển khai thực hiện Đề án: giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện sau khi Kế hoạch được duyệt.

Kinh phí hỗ trợ mua giống và vật tư: hỗ trợ sau đầu tư; chuyển về huyện, thị xã, thành phố khi có đầy đủ các thủ tục theo quy định.

Việc cấp phát, nghiệm thu, thanh toán: thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan tài chính, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện:

8.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan thường trực, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo bám sát Đề án được duyệt. Phối hợp các địa phương chọn điểm, chọn hộ tham gia mô hình. Định kỳ tổng hợp, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và đề xuất biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả; phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị thủ tục nghiệm thu, thanh toán, tổng hợp kết quả về Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

8.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2020.

8.3. Sở Tài chính: Chủ trì, cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để thực hiện Kế hoạch theo Đề án được duyệt. Hướng dẫn sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và các thủ tục nghiệm thu, thanh, quyết toán kinh phí thực hiện.

8.4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chọn điểm, chọn hộ theo đúng tiêu chí. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các hộ tham gia Đề án tổ chức mua giống và vật tư đảm bảo chất lượng theo đúng quy định của Đề án. Nghiệm thu kết quả thực hiện hàng năm, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8.5. Ủy ban nhân dân các xã tham gia Đề án: Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện tại địa phương, đôn đốc, hướng dẫn nông dân hoàn thiện các thủ tục để được hỗ trợ sau đầu tư.

8.6. Các hộ nông dân tham gia Đề án:

- Nông dân chăn nuôi lợn nái, lợn đực được đến cơ sở cung cấp giống, vật tư để lựa chọn mua những con giống, vật tư đáp ứng yêu cầu của Đề án. Hoàn thiện bộ thủ tục mua lợn giống và vật tư theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn và cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Chủ động các vật tư, kinh phí đối ứng và các điều kiện chăn nuôi tốt nhất, thực hiện đúng yêu cầu, quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia Đề án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh ;
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP(2), NN, KT;
- Lưu: VT.

L/NN/2020/QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2020

I. Dự toán hỗ trợ giống và vật tư:

- Quy mô: 06 lợn đực giống, 900 lợn nái.
- Số hộ tham gia: 06 hộ lợn đực và 90 hộ lợn nái.

Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Theo yêu cầu MH	Đơn giá	Tổng kinh phí	Kinh phí hỗ trợ		Kinh phí đối ứng của các hộ dân
						Năm 2020		
						Số lượng	Thành tiền	
1	Giống, vật tư cho 01 hộ nuôi lợn đực (quy mô 01 con/hộ),							
1.1	Giống lợn đực (yêu cầu: trên 5 tháng tuổi, trọng lượng ≥ 90 kg/con), hỗ trợ 50% theo giá trị con giống	Con	1	30.000	30.000	1.0	15.000	15.000
1.2	Thức ăn HH (2 kg x 12 tháng x 30 ngày/ con/ năm)	kg	720	12	8.640	360.0	4.320	4.320
1.3	Trứng gà (300 quả/con / năm)	quả	300	3	900	150.0	450	450
1.4	Vắc xin (9 liều/con)							
	<i>Tụ huyết trùng, đóng dấu</i>	<i>liều</i>	1	5	5	0.5	3	3
	<i>Thương hàn</i>	<i>liều</i>	1	5	5	0.5	3	3
	<i>Dịch tả</i>	<i>liều</i>	1	7	7	0.5	4	4
	<i>Parvo</i>	<i>liều</i>	1	25	25	0.5	13	13
	<i>Lepto</i>	<i>liều</i>	1	10	10	0.5	5	5
	<i>Suyễn</i>	<i>liều</i>	1	15	15	0.5	8	8
	<i>Tai Xanh</i>	<i>liều</i>	1	45	45	0.5	23	23
	<i>LMLM</i>	<i>liều</i>	1	20	20	0.5	10	10
1.5	Hóa chất sát trùng pha loãng (6 con x 20 lít/con)	lít	20	2	40	10.0	20	20
1.6	Dụng cụ kiểm tra, đánh giá (01 cơ sở 1 bộ)	bộ/hộ	1	15.500	15.500	0.5	7.750	7.750
1.7	Dụng cụ bảo tồn tinh dịch (1 bộ/ 1 cơ sở)	bộ/hộ	1	10.000	10.000	0.5	5.000	5.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Theo yêu cầu MH	Đơn giá	Tổng kinh phí	Kinh phí hỗ trợ		Kinh phí đối ứng của các hộ dân
						Năm 2020		
						Số lượng	Thành tiền	
Cộng kinh phí hỗ trợ cho 01 hộ					65.212		32.606	32.606
Tổng kinh phí hỗ trợ cho 06 hộ lợn đực					391.272		195.636	195.636
2	Giống vật tư cho 01 hộ nuôi lợn nái (quy mô 10 con/hộ)							
2.1	Giống lợn nái hậu bị (yêu cầu trên 4 tháng tuổi, trọng lượng ≥ 50 kg/con), hỗ trợ 50% theo giá trị con giống	con	10	8.000	80.000	10	40.000	40.000
2.5	Vắc xin (9 liều/con, hỗ trợ 50% theo giá trị)	liều						
	<i>Tụ huyết trùng, đóng dấu</i>	liều	10	5	50	5	25	25
	<i>Thương hàn</i>	liều	10	5	50	5	25	25
	<i>Dịch tả</i>	liều	10	7	70	5	35	35
	<i>Parvo</i>	liều	10	25	250	5	125	125
	<i>Lepto</i>	liều	10	10	100	5	50	50
	<i>Suyễn</i>	liều	10	15	150	5	75	75
	<i>Tai Xanh</i>	liều	10	45	450	5	225	225
	<i>LMLM</i>	liều	10	20	200	5	100	100
Cộng kinh phí hỗ trợ cho 01 hộ					81.320	50	40.660	40.660
Tổng kinh phí hỗ trợ cho 90 hộ lợn nái					7.318.800		3.659.400	3.659.400
Tổng kinh phí vật tư hỗ trợ hộ lợn đực và lợn nái (I)					7.710.072		3.855.036	3.855.036

II. Dự toán kinh phí triển khai

1	Tập huấn, triển khai							
1.1	Tập huấn trong mô hình				27.820		27.820	
1.1.1	Tập huấn KT cho các hộ nuôi lợn đực giống (1 lần/năm, thời gian 1 ngày cho các hộ tham gia)				3.880		3.880	
1	Phôtô tài liệu:	bộ	6	20	120	6	120	
2	Bồi dưỡng giảng viên:	Ngày/ người	1	500	500	1	500	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Theo yêu cầu MH	Đơn giá	Tổng kinh phí	Kinh phí hỗ trợ		Kinh phí đối ứng của các hộ dân
						Năm 2020		
						Số lượng	Thành tiền	
3	Trợ giảng	Ngày/ người	1	200	200	1	200	
4	Hội trường:	Ngày	1	500	500	1	500	
5	Khánh tiết	Lần	1	200	200	1	200	
6	Nước uống HV và GV	Ngày/ người	8	20	160	8	160	
7	Hỗ trợ đi lại	Người	6	200	1.200	6	1.200	
8	Tiền ăn:	Ngày/ người	6	150	900	6	900	
9	Chi khác	Lần	1	100	100	1	100	
1.1.2	Tập huấn KT cho các hộ nuôi lợn nái: 12 lớp/mô hình x 1 ngày/lớp cho các hộ tham gia MH)				23.940		23.940	
1	Phôtô tài liệu:	bộ	90	20	1.800	90	1.800	
2	Bồi dưỡng giảng viên:	Ngày/ người	12	500	6.000	12	6.000	
3	Trợ giảng	Ngày/ người	12	200	2.400	12	2.400	
4	Hội trường:	ngày	12	300	3.600	12	3.600	
5	Khánh tiết	Lần	12	200	2.400	12	2.400	
6	Nước uống HV và GV	Ngày/ người	102	20	2.040	102	2.040	
7	Tiền ăn:	Ngày/ người	90	50	4.500	90	4.500	
8	Chi khác	Lần	12	100	1.200	12	1.200	
1.2.	Sơ kết: Tổ chức 12 hội nghị sơ kết, thời gian 1 ngày/hội nghị x 40 người				55.200		55.200	
1	Phôtô báo cáo: 40 bộ/cuộc x 12 cuộc	bộ	480	20	9.600	480	9.600	
2	Báo cáo viên: 1 người x 12 cuộc	ngày	12	300	3.600	12	3.600	
3	Hội trường: 1 ngày x 12 cuộc	ngày	12	500	6.000	12	6.000	
4	Khánh tiết, trang trí: 1 lần x 12 cuộc	lần	12	200	2.400	12	2.400	
5	Nước uống: 40 người x 1 ngày x 12 cuộc	Ngày/ người	480	20	9.600	480	9.600	
6	Tiền ăn: 40 người x 1 ngày x 12 cuộc	Ngày/người	480	50	24.000	480	24.000	
Cộng triển khai					83.020		83.020	
1.3.	Thuê cán bộ chỉ đạo (04 người/12 điểm MH. Năm 2020: 6 tháng , 2021: 12 tháng)						107.280	
	Phụ cấp cán bộ chỉ đạo	tháng/ người	72	1.490	107.280	72	107.280	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Theo yêu cầu MH	Đơn giá	Tổng kinh phí	Kinh phí hỗ trợ		Kinh phí đối ứng của các hộ dân
						Năm 2020		
						Số lượng	Thành tiền	
2. Dự toán đào tạo tập huấn ngoài mô hình (30 người/lớp x 5 lớp/năm x 2 ngày/lớp)					38.200		38.200	
1	Phôtô tài liệu:	bộ	150	20	3.000	150	3.000	
2	Bồi dưỡng giảng viên:	Ngày/ người	10	500	5.000	10	5.000	
3	Trợ giảng	Ngày/ người	10	200	2.000	10	2.000	
4	Hội trường:	ngày	10	500	5.000	10	5.000	
5	Khánh tiết	Lần	5	200	1.000	5	1.000	
6	Nước uống HV và GV	Ngày/ người	310	20	6.200	310	6.200	
7	Tiền ăn:	Ngày/ người	300	50	15.000	300	15.000	
8	Chi khác	Lần	5	200	1.000	5	1.000	
3. Dự toán thông tin tuyên truyền					30.920		30.920	
3.1 Hội thảo, tham quan: 30 người/hội nghị x 6 hội nghị/năm					18.600		18.600	
1	Phôtô báo cáo:	bộ	180	10	1.800	180	1.800	
2	Hội trường và khánh tiết trang trí	ngày	6	500	3.000	6	3.000	
3	Nước uống:	Ngày/ người	180	20	3.600	180	3.600	
4	Tiền ăn:	Ngày/ người	180	50	9.000	180	9.000	
5	Hướng dẫn	Ngày người	6	200	1.200	6	1.200	
3.2 Biển báo mô hình, sổ ghi chép					10.320		10.320	
	Biển báo tại nông hộ	chiếc	96	50	4.800	96	4.800	
	Biển báo tại điểm (xã)	chiếc	12	300	3.600	12	3.600	
	Sổ ghi chép nông hộ	sổ	96	20	1.920	96	1.920	
3.3 Tuyên truyền, phổ biến					2.000		2.000	
	Viết bài đưa tin	tin	4	500	2.000	4	2.000	
4. Quản lý dự án					50.000		50.000	
Tổng cộng dự toán kinh phí triển khai (II)					309.420		309.420	
Tổng cộng (I + II)					8.019.492		4.164.456	3.855.036

